

ĐIỀU KIỆN XIN VISA F-1-5
DÀNH CHO CHA MẸ VÀ NGƯỜI THÂN CỦA NGƯỜI KẾT HÔN ĐỊNH CƯ

Tổng Lãnh Sự Quán Hàn Quốc tại TPHCM, 02/03/2022

PHÂN LOẠI		NỘI DUNG
Trình tự nhập cảnh		<ul style="list-style-type: none"> Đương sự được cấp visa tại Tổng LSQ hoặc ĐSQ Hàn Quốc ở Việt Nam (visa F-1-5, 90 ngày) và gia hạn thời gian lưu trú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
Tư cách mời (phía Hàn Quốc)		<ul style="list-style-type: none"> Người kết hôn định cư có quốc tịch Hàn Quốc hoặc đang có tư cách lưu trú F-5 (thường trú nhân), hoặc chồng/vợ là người Hàn Quốc ※ Người kết hôn định cư đang đơn thân nuôi con sau khi ly hôn có thể mời dù không có quốc tịch Hàn Quốc hoặc tư cách lưu trú F-5
Lý do mời (mục đích phụ giúp nuôi con của người kết hôn với người Hàn hoặc mời với lý do nhân đạo)		<p>① Nguyên tắc: Có thể mời cho đến cuối tháng 9 năm con tròn 9 tuổi</p> <p>② Người kết hôn định cư đang đơn thân nuôi con sau khi ly hôn và gia đình người kết hôn định cư đông con (từ 3 con trở lên): có thể mời cho tới cuối tháng 9 năm con tròn 12 tuổi</p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p>☞ Ví dụ: lấy năm 2022 làm mốc xin visa,</p> <ol style="list-style-type: none"> Con sinh năm 2013 (gia đình đơn thân nuôi con hoặc gia đình nhiều con: con sinh năm 2010): được mời đến cuối tháng 9 năm 2022 Con sinh năm 2014: có thể mời (không giới hạn thời điểm trong năm) Con sinh năm 2012 (gia đình đơn thân hoặc gia đình đông con: con sinh năm 2009): không thể mời </div> <p>③ Trường hợp có lý do nhân đạo: Vợ/ chồng người mời hoặc con cái của người mời bị bệnh nặng hoặc tàn tật nặng</p>
Số người được mời (số người có thể lưu trú)		<ul style="list-style-type: none"> Cha mẹ của người kết hôn định cư: 2 người Người thân khác ngoài cha mẹ của người kết hôn định cư: 1 người ※ Nếu đã mời người thân khác ngoài cha mẹ thì không được mời cha mẹ, nếu đã mời cha mẹ thì không được mời người thân khác.
Số lần mời		<p>① Nguyên tắc: Mỗi con là 2 lần mời</p> <p>※ Nếu mời đồng thời cả cha và mẹ thì được tính đã mời 2 lần</p> <p>② Đối với gia đình người kết hôn định cư đơn thân hoặc gia đình nhiều con/ hoặc ③ gia đình có lý do nhân đạo cần hỗ trợ: Không hạn chế số lần mời</p>
Tư cách người được mời (Phía Việt Nam)	Nguyên tắc	<ul style="list-style-type: none"> Cha hoặc mẹ của người kết hôn định cư (có thể mời đồng thời và lưu trú đồng thời tại Hàn Quốc) ※ Tuy nhiên, chỉ cấp visa cho một trong hai người trong trường hợp cha mẹ có con sinh từ năm 2007 đến nay và không chứng minh được lý do đặc biệt cần nhập cảnh đồng thời.
	Ngoại lệ	<ul style="list-style-type: none"> Anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư từ 19 tuổi trở lên (không thể mời người ở độ tuổi vị thành niên) <div style="border: 1px dashed black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p>☞ Thỏa mãn tất cả các điều kiện dưới đây (ngoại trừ trường hợp có lý do nhân đạo đề cập bên trên)</p> <ol style="list-style-type: none"> Cha và mẹ đều có lý do bất khả kháng không thể nhập cảnh (qua đời, bệnh nặng (ung thư, cử động khó khăn) hoặc khuyết tật, cao tuổi (trên 60 tuổi)). Người được mời không có con dưới 18 tuổi và có hồ sơ chứng minh. Các trường hợp được công nhận tính cần thiết của việc nhập cảnh sau khi xem xét khả năng hỗ trợ chăm sóc trẻ. </div>
Thời gian lưu trú tối đa	Tính theo tuổi của con	<p>① Nguyên tắc: Đến cuối tháng 3 năm con tròn 10 tuổi</p> <p>② Gia đình đơn thân hoặc gia đình nhiều con: Đến cuối tháng 3 năm con tròn 13 tuổi</p> <p>③ Gia đình có lý do nhân đạo: Cho đến khi hết lý do nhân đạo</p>
	Tính theo ngày nhập cảnh	<ul style="list-style-type: none"> Tối đa 3 năm từ ngày nhập cảnh
Hạn chế cấp visa đối với các trường hợp vi phạm Luật Quản lý Xuất nhập cảnh		<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp người mời (đã từng bị phạt tiền do tuyển dụng lao động bất hợp pháp hoặc các lý do khác) hoặc người nước ngoài từng được người này mời vi phạm Luật xuất nhập cảnh Hàn Quốc và nhận lệnh xuất cảnh hoặc bị cưỡng chế xuất cảnh thì: ①/②: Người mời bị hạn chế mời trong 5 năm, ③ Trường hợp lý do nhân đạo: Bị hạn chế mời trong 1 năm Người được mời từng nhận lệnh xuất cảnh, bị cưỡng chế xuất cảnh, hoặc đã từng vi phạm luật tại Hàn Quốc đã bị phạt tiền: Liên tục hạn chế cấp visa
Các lưu ý		<ul style="list-style-type: none"> Người nhập cảnh với mục đích dự đám cưới, giúp việc nhà tạm thời là đối tượng xin visa C-3 (thăm thân ngắn hạn, 90 ngày). - Tuy nhiên, cần nhắc đến khó khăn về nhân lực, vật lực tại Hàn Quốc trong phòng chống dịch Covid-19, cũng như các khó khăn trong việc quay về nước trong vòng 90 ngày, có thể từ chối cấp visa cho đối tượng này.

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VISA F-1-5

A/B Trường hợp mục đích mời là hỗ trợ nuôi con

PHÂN LOẠI	THỨ TỰ	HỒ SƠ	CHÚ GIẢI
Hồ sơ cơ bản	1	○ Đơn xin cấp Visa ※ Hộ chiếu ※ Hình quy cách Hộ chiếu (3.5×4.5cm) 1 tấm ※ Lệ phí 30USD	
Hồ sơ Hàn Quốc	2	○ Thư mời (bản gốc)	Đính kèm 1
	3	○ Thư bảo lãnh (bản gốc) (Ghi rõ thời gian bảo lãnh: 3 năm kể từ ngày nhập cảnh)	Đính kèm 2
	4	○ Giấy chứng nhận con dấu	
	5	○ Giấy cam kết không lưu trú bất hợp pháp và làm việc bất hợp pháp	Đính kèm 3
	6	○ Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân (bản chi tiết)	
	7	○ Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (bản chi tiết) - Nếu đang mang thai thì nộp giấy xác nhận mang thai - Nếu đã tái hôn (chỉ tính trường hợp cô dâu tái hôn) hoặc nhận con nuôi thì nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình của tất cả các con hoặc giấy tờ chứng minh nhận con nuôi - Gia đình đơn thân: nộp thêm giấy phán quyết hoặc biên bản xét xử của tòa án bao gồm nội dung về quyền cấp dưỡng và quyền nuôi con - Nếu là con nuôi: nộp giấy tờ chứng minh quan hệ con nuôi	
	8	○ Giấy chứng nhận cơ bản(bản chi tiết)	
	9	○ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký cư trú (주민등록표(등본)) <Trường hợp địa chỉ cư trú thực tế khác với địa chỉ đã đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký cư trú hoặc thông tin người thân trong gia đình đang chung sống hiện tại khác với thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký cư trú> nộp thêm bản tường trình lý do và các giấy tờ chứng minh khác (ví dụ như: Hợp đồng thuê nhà, giấy tờ chứng minh sở hữu nhà hay đất,...)	
	10	○ Giấy xác nhận đang đi học của con (học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) - có thể hiện nội dung con đang thực hiện nghĩa vụ học tập (theo luật HQ) ※ Chỉ cần nộp giấy xác nhận đang đi học của 1 con (đối tượng sẽ nhận hỗ trợ nuôi con)	
	11	○ Bản sao mặt trước và mặt sau giấy tờ tùy thân người mời (Chứng minh nhân dân, bằng lái xe hoặc hộ chiếu)	
	12	○ Bản sao mặt trước và mặt sau giấy tờ tùy thân của chồng/vợ người mời (Thẻ đăng ký người nước ngoài)	
Hồ sơ Việt Nam	13	○ Giấy khai sinh của người kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	14	○ Hộ khẩu đứng tên cha hoặc mẹ của người kết hôn định cư (là hồ sơ cơ quan hành chính VN ban hành có ghi rõ thông tin mối quan hệ các thành viên trong gia đình bao gồm cả người con đã kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	15	○ Bản sao CMND (bấm vào trang có tên người xin visa trong hộ khẩu)	
	16	○ Giấy khám lao (khám ở bệnh viện Tổng LSQ HQ chỉ định)	
	17	<Trường hợp người xin visa là anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư, cần nộp hồ sơ chứng minh quan hệ và tình trạng hôn nhân, con cái của bản thân người xin visa như sau> ○ Hộ khẩu (thể hiện tất cả các thành viên có quan hệ gia đình với người xin visa) ※ Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc ○ Giấy khai sinh ○ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (đối với người chưa kết hôn) ○ Giấy phán quyết ly hôn của Tòa án (nếu đã ly hôn, có thể hiện nội dung về quyền cấp dưỡng và nuôi dưỡng con chung)	
	18	<Ngoài mục 16, người xin visa là anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư đi thay cha mẹ thì nộp giấy khám bệnh như sau (là hồ sơ thể hiện lý do đi thay cha mẹ)> ○ Giấy khám bệnh có nội dung cha mẹ bị bệnh nặng hoặc tàn tật mà không đi được (chỉ chấp nhận giấy khám bệnh của các bệnh viện công lập, bệnh viện Đại học (chẳng hạn như BV Đại học Y Dược, ...), bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng ○ Nếu trường hợp không có giấy khám bệnh như trên thì phải có giấy tờ giải thích tình trạng liên quan như: đơn trình bày lý do và hay đơn giải thích về tình hình (nếu viết bằng tiếng Việt thì phải dịch tiếng Hàn hoặc Anh) ※ Yêu cầu hồ sơ trên không áp dụng với trường hợp cha mẹ qua đời hoặc trên 60 tuổi.	
	19	○ Giấy đồng ý cách ly	Đính kèm 4

- [Lưu ý] :**
- ① Trường hợp thông tin trên đơn xin cấp visa và các giấy tờ khác không đúng sự thật hoặc hồ sơ bị thiếu có thể dẫn đến bị từ chối cấp visa.
 - ② Tất cả hồ sơ chỉ được công nhận còn hiệu lực khi được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ.
 - ③ Hồ sơ cần được sắp xếp thứ tự theo danh sách trên trước khi đăng ký visa.
 - ④ Trường hợp chữ ký, con dấu trong thư mời, thư bảo lãnh và các giấy tờ khác không đồng nhất có thể bị từ chối visa.
 - ⑤ Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ nếu xác định là trường hợp cần thiết bổ sung.
 - ⑥ Trường hợp mời hai người cùng lúc, có thể chỉ nộp 1 bản hồ sơ đối với các loại hồ sơ bị trùng lặp.

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VISA F-1-5

© Trường hợp xin visa nhập cảnh mục đích giúp đỡ gia đình người kết hôn có lý do nhân đạo (bệnh nặng hoặc tàn tật nặng)

PHÂN LOẠI	THỨ TỰ	HỒ SƠ	CHÚ GIẢI
Hồ sơ cơ bản	1	○ Đơn xin Visa ※ Hộ Chiếu ※ Hình quy cách Hộ chiếu(3.5×4.5cm) 1 tấm ※ Lệ phí: 30USD	
Hồ sơ Hàn Quốc	2	○ Thư mời (bản gốc)	Đính kèm 1
	3	○ Thư bảo lãnh (bản gốc) (Ghi rõ thời gian bảo lãnh: 3 năm kể từ ngày nhập cảnh)	Đính kèm 2
	4	○ Giấy chứng nhận con dấu	
	5	○ Giấy cam kết không lưu trú bất hợp pháp và làm việc bất hợp pháp	Đính kèm 3
	6	○ Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân (bản chi tiết)	
	7	○ Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (bản chi tiết) - Nếu đang mang thai thì nộp giấy xác nhận mang thai - Nếu đã tái hôn (chỉ tính phía cô dâu tái hôn) hoặc nhận con nuôi thì nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình của tất cả các con hoặc giấy tờ chứng minh nhận con nuôi - Gia đình đơn thân: nộp thêm giấy phán quyết hoặc biên bản xét xử của tòa án bao gồm nội dung về quyền cấp dưỡng và quyền nuôi con - Nếu là con nuôi: nộp giấy tờ chứng minh quan hệ con nuôi	
	8	○ Giấy chứng nhận cơ bản (bản chi tiết)	
	9	○ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký cư trú (주민등록표(등본)) <Trường hợp địa chỉ cư trú thực tế khác với địa chỉ đã đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký cư trú hoặc thông tin người thân trong gia đình đang chung sống hiện tại khác với thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký cư trú> nộp thêm bản tường trình lý do và các giấy tờ chứng minh khác (ví dụ như: Hợp đồng thuê nhà, giấy tờ chứng minh sở hữu nhà hay đất,...)	
	10	○ Bản sao mặt trước và mặt sau giấy tờ tùy thân người mời (Chứng minh nhân dân, bằng lái xe hoặc hộ chiếu)	
	11	○ Bản sao mặt trước và mặt sau giấy tờ tùy thân của chồng/vợ người mời (thẻ người nước ngoài)	
Hồ sơ Việt Nam	12	<Trường hợp bệnh nặng> ○ Biên lai hóa đơn y tế: Chỉ công nhận là bệnh nặng khi thông tin về "bệnh nặng (bệnh khó chữa nặng, bệnh nan y)" hoặc "ngoại lệ đặc biệt" được viết trên biên lai	
	13	<Trường hợp khuyết tật> ○ Giấy chứng nhận khuyết tật: Chỉ công nhận nếu có nội dung là "khuyết tật nặng" hoặc "khuyết tật với mức độ khuyết tật nặng"	
	14	○ Giấy khai sinh của người kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	15	○ Hộ khẩu đứng tên cha hoặc mẹ của người kết hôn định cư (là hồ sơ cơ quan hành chính VN ban hành có ghi rõ thông tin mối quan hệ các thành viên trong gia đình bao gồm cả người con đã kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	16	○ Bản sao CMND (bấm vào trang có tên người xin visa trong hộ khẩu)	
	17	○ Giấy khám lao (khám ở bệnh viện Tổng LSQ HQ chỉ định)	
	18	<Người xin visa là anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư đi thay cha mẹ thì nộp giấy tờ sau> ○ Hộ khẩu (thể hiện tất cả các thành viên có quan hệ gia đình với người xin visa) ※ Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc ○ Giấy khai sinh ※ Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	19	○ Giấy đồng ý cách ly	Đính kèm 4

[Lưu ý] :

- ① Trường hợp thông tin trên đơn xin cấp visa và các giấy tờ khác không đúng sự thật hoặc hồ sơ bị thiếu có thể dẫn đến bị từ chối cấp visa.
- ② Tất cả hồ sơ chỉ được công nhận còn hiệu lực khi được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ.
- ③ Hồ sơ cần được sắp xếp thứ tự theo danh sách trên trước khi đăng ký visa.
- ④ Trường hợp chữ ký, con dấu trong thư mời, thư bảo lãnh và các giấy tờ khác không đồng nhất có thể bị từ chối visa.
- ⑤ Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ nếu xác định là trường hợp cần thiết bổ sung.
- ⑥ Trường hợp mời hai người cùng lúc, có thể chỉ nộp 1 bản hồ sơ đối với các loại hồ sơ bị trùng lặp.